

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/DSPT

Ngày 13 tháng 5 năm 2020

*Về vụ án “Tranh chấp thừa kế tài sản  
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền  
sử dụng đất”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Nguyễn Hải Thanh;

Thư ký Tòa án: Bà Vy Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Vũ Quang Huy -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” do có kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2788/2019/QĐ-PT ngày 23/4/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị N, sinh năm 1956; trú tại: Tổ 22, khu 3, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1953; trú tại: Số 4/363 T, tổ 18, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Trần Văn N1 - Văn phòng luật sư X, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

**Bị đơn:** Bà Vũ Thị A; sinh năm 1950; trú tại: Số 91 đường Đ, phường V, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Nguyễn Hùng C  
- Văn phòng luật sư Q, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
2. Bà Hà Thị X; trú tại: Tổ 22, khu 3, phường Vĩnh N, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Bà Trần Thị H, sinh năm 1953; trú tại: Số 4/363 T, tổ 18, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.
3. Ông Hà Văn T, sinh năm 1947; trú tại: Tổ 23, khu 3, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.
4. Chị Nguyễn Thị Thu H1; trú tại: Số 91 đường Đ, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
5. Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1976; trú tại: Số 91 đường Đ, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.
6. Anh Nguyễn Đức T2, trú tại: Số 91 đường Đ, phường V, quận , thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
7. Anh Nguyễn Trường T3, trú tại: Số 91 đường Đ, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
8. Ông Vũ Văn T4, sinh năm 1951; trú tại: Số 4/363 T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông T4: Bà Trần Thị H, sinh năm 1953; trú tại: Số 4/363 T, tổ 18, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.
9. Ông Nguyễn Hữu T5 và vợ là bà Lê Thị Bích L; cùng trú tại: 25 H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
10. Ông Lê Văn H2 và Đỗ Thị Kim D; cùng trú tại: Số 208 C, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt ông H2.
11. Bà Vũ Thị H3 (đã chết năm 2010).

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H3:

- Anh Hà Văn K, sinh năm 1960; trú tại: Tổ 23, khu 3, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.
- Anh Hà Văn T6, sinh năm 1971; trú tại: Tổ 22, khu 3, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.
- Chị Hà Thị T7, sinh năm 1963; trú tại: Tổ 22, khu 3, phường V, quận L,

thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Anh Hà Văn T8, sinh năm 1973; trú tại: Tổ 22, khu 3, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Hà Thị N2, sinh năm 1963; trú tại: Tổ 25, khu 3, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Chị Hà Thị X1, trú tại: Tổ 22, khu 3, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện ngày 20/7/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Vũ Thị N trình bày:

Cụ Vũ Văn Đ (chết năm 1994) và cụ Phạm Thị C1 (chết năm 1986). Hai cụ có 2 người con gái là bà Vũ Thị A và bà Vũ Thị N. Ngoài ra, cụ C1 có 02 người con riêng là bà Hà Thị X và ông Hà Văn T, khi cụ C1 lấy cụ Đ thì cụ C1 đã cho ông T đi làm con nuôi của gia đình khác, ông T không chung sống cùng với hai cụ, còn bà X vẫn ở cùng với cụ Đ và cụ C1 đến khi trưởng thành, xây dựng gia đình riêng. Cụ Đ còn có người con nuôi là bà Vũ Thị H3 (đã chết năm 2010), cụ Đ nhận nuôi bà H3 từ khi còn bé ẵm. Bà H3 có chồng là ông Hà Văn K1 (chết năm 2004) và 06 người con là anh Hà Văn K, anh Hà Văn T6, chị Hà Thị T7, anh Hà Văn T8, chị Hà Thị N2, chị Hà Thị X1. Tài sản của hai cụ là diện tích 995 m<sup>2</sup> đất trên có nhà cấp 4 (nay không còn giá trị sử dụng) thuộc thửa đất số 166, Tờ bản đồ số 06 tại thôn 3, Tổ 37 cũ nay là tổ 22 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng.

Năm 1973 bà A lấy chồng, nhưng xin bố mẹ cho ở nhờ. Ngày 23/5/2001, ông Nguyễn Sông T9 (là chồng của bà A) làm đơn kê khai xin đăng ký quyền sử dụng diện tích 995 m<sup>2</sup> của cụ Đ và cụ C1 để lại. Ủy ban nhân dân huyện An H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03756 ngày 15/01/2001 mang tên ông Nguyễn Sông T9. Ngày 18/4/2003, ông T9 làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho các con và các con ông T9, bà A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể là: Ông Nguyễn Sông T9 được cấp 192m<sup>2</sup> đất; chị Nguyễn Thị Thu H1 được cấp 78m<sup>2</sup> đất; anh Nguyễn Minh T1 được cấp 255m<sup>2</sup> đất; anh Nguyễn Đức T2 được cấp 220 m<sup>2</sup> đất; anh Nguyễn Trường T3 được cấp 250 m<sup>2</sup> đất tại khu 3 V, quận L, thành phố Hải Phòng.

Khi biết được việc Ủy ban nhân dân huyện An H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, bà N đã làm đơn khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T9 và chia tách cho các con. Thanh tra quận L và Phòng Tài nguyên và Môi trường quận L đã kiểm tra và kết luận việc cấp giấy chứng nhận cho ông T9 là không đúng đối tượng.

Năm 2003, gia đình bà A đã chuyển về số nhà 91 Chùa Đồng T ở, diện tích đất tranh chấp để hoang. Bà A chỉ bảo quản diện tích đất của cụ Đ và cụ C1 từ năm 1995 đến năm 2002 là 07 năm. Khi cụ Đ và cụ C1 mất, bà N và bà A đều đứng lo tang lễ cho các cụ và không ai phải bỏ tiền chi phí.

Bà N khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03756 cấp ngày 16/7/2001 diện tích 995 m<sup>2</sup> mang tên ông Nguyễn Sông T9; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06491 ngày 18/4/2003 diện tích 78m<sup>2</sup> đất mang tên Nguyễn Thị Thu H1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06489 ngày 18/4/2003 diện tích 255m<sup>2</sup> mang tên Nguyễn Minh T1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06492 ngày 18/4/2003 diện tích 220m<sup>2</sup> đất mang tên Nguyễn Đức T2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06684 ngày 18/4/2003 diện tích 250m<sup>2</sup> đất mang tên Nguyễn Trường T3; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03756 diện tích 192m<sup>2</sup> mang tên ông Nguyễn Sông T9 tại thửa đất số 166, Tờ bản đồ số 06 khu 3 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng do Ủy ban nhân dân huyện An H, thành phố Hải Phòng cấp.

- Chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn Đ và cụ Phạm Thị C1 để lại là diện tích 995m<sup>2</sup> đất thửa số 166, Tờ bản đồ số 06, tại khu 3 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Vũ Thị A trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân và huyết thống. Ngày 08/8/1983, cụ Đ và cụ C1 hợp gia đình gồm có: Vợ chồng bà, vợ chồng bà H3, vợ chồng bà N, ông Phạm Đình L1 (là em họ của cụ C1), ông Vũ Văn T4 (là cháu cụ Đ). Nội dung cụ Đ giao trách nhiệm cho các con chăm sóc bố mẹ lúc ốm đau, lo tang lễ khi bố mẹ chết và thờ cúng; nếu con nào nhận trách nhiệm này thì hai cụ sẽ để lại toàn bộ tài sản nhà và đất là 1 sào 2 thước, 8 thước rau xanh, ngôi nhà cấp 4, 3 gian nhưng chị em không ai nhận. Còn 10 thước cụ Đ cho cháu ruột là ông Vũ Văn T4 để làm hương hỏa, nhưng ông T4 không nhận. Sau đó, cụ Đ viết giấy bán cho chồng bà là ông Nguyễn Sông T9 (đã mất năm 2008) với giá 700.000đ có ông Hà Văn M làm chủ nhiệm Hợp tác xã chứng kiến (ông M hiện đã chết), cho ông T4 100.000đ làm hương hỏa, mua cho bà Vũ Thị H3 01 sào ruộng trích đo 205 Bản đồ số 30 tại khu V, hiện anh K con bà H3 đang sử dụng, cho bà N 10 thước ao của ông Nội bà để lại, 02 chỉ vàng và 01

xe đạp. Vợ chồng bà và các con ở cùng hai cụ, khi Cụ Đ và cụ C1 chết vợ chồng bà đứng ra lo tang lễ, thờ cúng bố mẹ từ đó cho đến nay. Năm 2001, gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T9. Năm 2003, vợ chồng bà đã tách chia đất cho các con và các con bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2008, bà đã chuyển nhượng 505 m<sup>2</sup> đất đứng tên con trai là Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Tiến T3 cho ông Nguyễn Hữu T5 và vợ là bà Lê Thị Bích L. Bà xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị X, ông Hà Văn T và các con của bà Vũ Thị H3 là anh Hà Văn K, anh Hà Văn T6, chị Hà Thị T7, anh Hà Văn T8, chị Hà Thị N2, chị Hà Thị X1 có ý kiến bằng văn bản từ chối không tham gia tố tụng và từ chối không nhận tài sản của cụ Đ và cụ C1, để lại cho bà A và bà N tự giải quyết. Đến giai đoạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà X, ông T và anh K (đại diện các con của bà H3) có đơn đề nghị được nhận tài sản thừa kế của các cụ để lại theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu T5 và bà Lê Thị Bích L trình bày: Năm 2008, vợ chồng ông bà đã nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Minh T1 và anh Nguyễn Trường T3 tổng diện tích 505m<sup>2</sup> đất tại khu 3 V. Khi giao dịch hai bên đã lập hợp đồng chuyển nhượng công chứng tại Văn phòng Công chứng số 1 Lạch Tray Hải Phòng, thời điểm này chưa xảy ra tranh chấp. Khoảng vài năm sau, vợ chồng ông bà đã chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho vợ chồng ông Lê Văn H2, bà Đỗ Thị Kim D, hai bên đã lập hợp đồng ủy quyền với nội dung ủy quyền cho vợ chồng ông H2 toàn quyền quản lý sử dụng và làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T5 và bà L từ chối tham gia tố tụng tại Tòa và đề nghị Tòa xét xử vắng mặt.

Ông Lê Văn H2 trình bày: Tháng 3 năm 2010, vợ chồng ông đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Hữu T5 và bà Lê Thị Bích L diện tích 505 m<sup>2</sup> đất tại khu 3 V. Diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Minh T1 và ông Nguyễn Trường T3 và có hợp đồng chuyển nhượng giữa vợ chồng ông T5 với anh T1, anh T3, được công chứng tại Văn phòng Công chứng số 3 nên vợ chồng ông đã tin tưởng vì giấy tờ hoàn toàn hợp pháp. Vợ chồng bà L đã cam kết chịu trách nhiệm làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông và đã ủy quyền cho vợ chồng ông hoàn tất các thủ tục nộp thuế trước bạ sang tên quyền sử dụng 02 diện tích nêu trên và thực hiện các nghĩa vụ khác của bên nhận chuyển nhượng. Khi vợ chồng ông H2 đang làm thủ tục sang tên thì vụ án có tranh chấp nên việc sang tên bị dừng lại. Ông bà đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 19/4/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản của nguyên đơn;

Xác định di sản của cụ Vũ Văn Đ và cụ Phạm Thị C1 để lại là diện tích 995m<sup>2</sup> thửa 166, tờ bản đồ số 06, tại khu 3 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng có trị giá 16.716.000.000đ.

Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật như sau:

+ Giao cho bà Vũ Thị N được quyền quản lý, sử dụng diện tích 220m<sup>2</sup> tại thửa 166Đ, Tờ số 06, tại khu 3 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 06492 ngày 18/4/2003 do Ủy ban nhân dân huyện An Hải cấp cho anh Nguyễn Đức T2 và diện tích 192m<sup>2</sup> đất tại thửa 166, Tờ số 06 tại khu 3 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 03756 ngày 18/4/2003 do Ủy ban nhân dân huyện An Hải thành phố Hải Phòng cấp cho ông Nguyễn Sông T9. Tổng cộng là 412m<sup>2</sup> trị giá 6.921.600.000đ (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo). Bà N phải thanh toán trả cho ông T số tiền là 1.669.500.000đ trị giá 99,375m<sup>2</sup>; trả cho anh Hà Văn K, anh Hà Văn T6, chị Hà Thị T7, anh Hà Văn T8, chị Hà Thị N2, chị Hà Thị X1 số tiền 1.669.500.000đ trị giá 99,375m<sup>2</sup> đất; trả cho bà Hà Thị X số tiền là 243.600.000đ trị giá 14.5m<sup>2</sup> đất.

+ Giao cho bà Vũ Thị A được quyền quản lý sử dụng diện tích 255m<sup>2</sup> đất thửa 166C, Tờ số 06 tại khu 3 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 06489 ngày 18/4/2003 do Ủy ban nhân dân huyện An H, thành phố Hải Phòng cấp cho anh Nguyễn Minh T1 và diện tích 250m<sup>2</sup> đất, thửa 166B, Tờ số 06 tại khu 3 V, quận L, thành phố Hải Phòng do Ủy ban nhân dân huyện An H, thành phố Hải Phòng cấp cho anh Nguyễn Trường T3 và diện tích 78m<sup>2</sup> đất thửa 166A, Tờ số 06 tại khu 3 V, quận L, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ 06491 ngày 16/4/2003 do Ủy ban nhân dân huyện An H, thành phố Hải Phòng cấp cho chị Nguyễn Thị Thu H1. Tổng cộng là 583m<sup>2</sup> đất trị giá 9.794.400.000đ (trên đất có nhà cấp 4 không còn giá trị sử dụng). (Vị trí kích thước có sơ đồ kèm theo). Bà A phải trả cho bà X số tiền là 3.095.400.000đ trị giá 184,25m<sup>2</sup> đất.

+ Bà Hà Thị X được nhận từ bà Vũ Thị A số tiền là 3.095.400.000đ trị giá 184,25m<sup>2</sup> và nhận của bà Vũ Thị N số tiền là 243.600.000đ trị giá 14.5m<sup>2</sup> đất. Tổng cộng là 3.339.000.000đ trị giá 198.75m<sup>2</sup> đất.

+ Ông Hà Văn T được nhận từ bà Vũ Thị N số tiền 1.669.500.000đ trị giá

99,375m<sup>2</sup> đất.

+ Anh Hà Văn K, anh Hà Văn T6, chị Hà Thị T7, anh Hà Văn T8 chị Hà Thị N2, chị Hà Thị X1 được nhận từ bà Vũ Thị N số tiền là 1.669.500.000đ trị giá 99, 375m<sup>2</sup> đất.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03756 ngày 16/7/2001 diện tích 995m<sup>2</sup> đất tại thửa 166 Tờ bản đồ số 06, tại khu 3 V, quận L, thành phố Hải Phòng của Ủy ban nhân dân huyện An H, thành phố Hải Phòng cấp cho ông Nguyễn Sông T9; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03756 ngày 18/4/2003 diện tích 192m<sup>2</sup> tại thửa số 166 Tờ bản đồ số 06 tại khu 3 V, phường V, thành phố Hải Phòng của Ủy ban nhân dân huyện An H, thành phố Hải Phòng cấp cho ông Nguyễn Sông T9; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 08492 ngày 18/4/2003 diện tích 220m<sup>2</sup> đất, thửa 166Đ Tờ 06 tại khu 3 V, quận L, thành phố Hải Phòng của Ủy ban nhân dân huyện An H, thành phố Hải Phòng cấp cho anh Nguyễn Đức T2.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị A, anh Nguyễn Minh T1, anh Nguyễn Trường T3 kết hợp với ông Nguyễn Hữu T5, bà Lê Thị Bích L và ông Lê Văn H2. Bà Đỗ Thị Kim D được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất để được cấp và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/4/2019, bị đơn bà Vũ Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Minh T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Vũ Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án. Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà A và anh Nguyễn Minh T1 cho rằng vợ chồng cụ Đ, cụ C1 đã bán thửa đất tranh chấp cho ông Nguyễn Sông T9 (là chồng của bà A) được thể hiện bằng việc bà Ân đứng tên hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương như sổ mục kê, sổ đăng ký ruộng đất và ông T9 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, thửa đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng bà A, ông T9; không phải là di sản thừa kế của hai cụ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Vũ Thị N, bà Trần Thị H; Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác có mặt tham gia phiên

tòa đều khẳng định thừa đất tranh chấp là của cụ Đ và cụ C1 để lại, không có việc hai cụ chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông T9, bà A. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét công sức của bà A trong việc quản lý di sản và chia thừa kế là có căn cứ. Tuy nhiên, khi chia di sản thừa kế của cụ C1 Tòa án sơ thẩm đã xác định hàng thừa kế không chính xác, xác định thiếu cụ Đ là người được hưởng thừa kế của cụ C1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, xác định lại hàng thừa kế của cụ C1 để đảm bảo việc phân chia thừa kế theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thừa đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Đ và cụ C1 để lại để chia thừa kế là có căn cứ. Tuy nhiên, khi chia thừa kế di sản của cụ C1 đã bỏ sót hàng thừa kế là cụ Đ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cụ Đ và các đương sự khác. Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T9 đã được Thanh tra quận L, thành phố Hải Phòng xác định cấp không đúng đối tượng, không đúng quy trình, không có giấy tờ chuyển nhượng nên việc ông T9 đứng tên đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái pháp luật. Việc ông T9 làm thủ tục tách thửa cho các con là không có căn cứ. Tòa án sơ thẩm chia cho bà A quản lý, sử dụng phần đất nằm trong diện tích chia và tách thửa cho các con là anh T1, anh T3 và chị H1; trong đó có diện tích đất gia đình bà A đã chuyển nhượng cho người khác và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T9, anh T2 để giao diện tích đất này cho bà N quản lý, sử dụng là phù hợp. Về án phí, Tòa án sơ thẩm không buộc các đồng thừa kế của bà H3 phải chịu án phí đối với phần thừa kế được hưởng là thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại hàng thừa kế của cụ C1 khi phân chia di sản thừa kế của cụ C1 và án phí như đã nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận và trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Vũ Thị A và anh Nguyễn Minh T1 đảm bảo đúng thời hạn và có nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các đồng thừa kế của bà Vũ Thị H3 - là con nuôi của cụ Đ xuất trình “Giấy chứng nhận sức khỏe” số 349/GCN ngày 14/8/2014



của Bệnh viện tâm thần Hải Phòng xác nhận anh Hà Văn T8 (là một trong các thừa kế được hưởng thừa kế thế vị của bà H3) bị động kinh tâm thần, chậm phát triển trí tuệ, nhưng chưa có quyết định tuyên bố anh T8 mất năng lực hành vi dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/02/2020, Tòa án cấp phúc thẩm đã giải thích cho các đương sự trong vụ án biết quy định của pháp luật về việc yêu cầu tuyên bố anh T8 mất năng lực hành vi dân sự. Bà Vũ Thị N, bà Trần Thị H là đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị X, ông Vũ Văn T4 không có yêu cầu tuyên bố anh T8 mất năng lực hành vi dân sự, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Vũ Thị A có đề nghị yêu cầu tuyên bố anh T8 mất năng lực hành vi dân sự. Cùng ngày 20/02/2020, Tòa án cấp phúc thẩm đã có Thông báo số 1310/TB-TA gửi các đương sự có liên quan về việc ấn định thời gian thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố anh T8 mất năng lực hành vi dân sự trong thời hạn 02 tháng, hết thời hạn nêu trên các đương sự có quyền, lợi ích liên quan không gửi các tài liệu, chứng minh việc thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố anh T8 mất năng lực hành vi dân sự tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết thì Tòa án cấp phúc thẩm sẽ tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2020, Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo là Ủy ban nhân dân quận L, chị Nguyễn Thị Thu H1, anh Nguyễn Đức T2, anh Nguyễn Trường T3, ông Nguyễn Hữu T5 và bà Lê Thị Bích L, chị Hà Thị X1 vắng mặt. Các đương sự có mặt tham gia phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận và quyết định tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Diện tích 995m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 166, Tờ bản đồ số 06 tại xã V, huyện An H (nay là phường V, quận L), thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện An H, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/7/2001 mang tên ông Nguyễn Sông T9 (là chồng của bà Vũ Thị A). Ngày 18/4/2003, ông T9 làm thủ tục tách thửa đất trên cho các con của ông T9, bà A là: Anh Nguyễn Đức T2 diện tích 220m<sup>2</sup>, Nguyễn Minh T1 diện tích 255m<sup>2</sup>, anh Nguyễn Trường T3 diện tích 250m<sup>2</sup>, chị Nguyễn Thị Thu H1 diện tích 78m<sup>2</sup>; diện tích còn lại 192m<sup>2</sup> mang tên ông T9.

Căn cứ lời khai của các bên đương sự; Công văn số 413/UBND-TTtr ngày 07/9/2016 của Ủy ban nhân dân quận L; Biên bản giải quyết đơn của bà Vũ Thị N tại Ủy ban nhân dân quận L; Công văn số 38/TNMT ngày 27/11/2012 của Phòng

Tài nguyên & Môi trường quận L; các biên bản giải quyết tranh chấp đất tại Ủy ban nhân dân phường V ngày 29/11/2007 và ngày 27/4/2011; các văn bản của Ủy ban nhân dân quận L về việc giải quyết đơn của bà Vũ Thị N; đơn kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Sông T9 và xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất xã V có cơ sở xác định diện tích 995m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 166 và căn nhà ba gian trên đất có nguồn gốc là của cụ Vũ Văn Đ và cụ Phạm Thị C1.

Bà A cho rằng diện tích 995m<sup>2</sup> đất nêu trên là của cụ Vũ Văn Đ và cụ Phạm Thị C1, nhưng hai cụ đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho chồng bà là ông Nguyễn Sông T9 với giá 700.000đ, có làm giấy viết tay có ông Hà Văn M-Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp chứng kiến (ông M hiện đã chết). Khi ông T9 làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nộp giấy chuyển nhượng này, nhưng không biết cơ quan nào quản lý. Đồng thời, bà A còn xuất trình bản photo bản di chúc của bố mẹ không còn nguyên vẹn, không rõ nội dung để chứng minh bố mẹ để lại đất cho bà. Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T9 không có giấy chuyển nhượng viết tay giữa cụ Đ, cụ C1 và ông T9; tại đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/5/2001 ông T9 cũng khai nguồn gốc đất của cha ông để lại, không phải do nhận chuyển nhượng. Ngoài ra, bà A cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh ông T9 nhận chuyển nhượng đất của cụ Đ, cụ C1. Trong khi đó, bà N không thừa nhận việc cụ Đ, cụ C1 chuyển nhượng đất. Do đó, việc bà A và anh T1 cho rằng cụ Đ, cụ C1 đã chuyển nhượng diện tích 995m<sup>2</sup> đất nêu trên cho ông T9 là không có cơ sở chấp nhận.

Mặt khác, căn cứ lời khai của các bên đương sự đều thừa nhận năm 1985 cụ Đ cho cháu là ông Vũ Văn T4 240m<sup>2</sup> đất hương hỏa để thờ tự. Bà A cho rằng ông T4 không nhận diện tích đất trên nên cụ Đ đã cho ông T4 100.000đ để thờ tự; còn bà N lại khẳng định có việc giao đất trên cho ông T4. Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện có 01 bản photo “Giấy giao quyền thừa kế hương hỏa” ngày 25/8/1985 có nội dung cụ Đ giao cho ông T4 10 thước đất bằng 240m<sup>2</sup> nằm trong diện tích 995m<sup>2</sup> đất tại V, quận L, Hải Phòng của cụ Đ, cụ C1. Năm 2012, ông T4 khởi kiện đòi lại diện tích đất trên, sau đó ông T4 đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân quận L đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (BL27,45). Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2019, ông T4 đã từ chối nhận 240m<sup>2</sup> để cho bà A và bà N tự giải quyết (BL423).

Năm 1986 cụ C1 chết, năm 1994 cụ Đ chết đều không để lại di chúc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 995m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 166, Tờ bản đồ số 06 tại khu 3, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng là di sản của cụ Đ và cụ C1 để lại, xác định yêu cầu chia thừa kế là trong thời hiệu thừa kế và chia thừa kế theo

pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên, khi tiến hành phân chia thừa kế, Tòa án sơ thẩm đã không xác định hàng thừa kế theo thời điểm mở thừa kế của mỗi cụ dẫn đến việc khi phân chia di sản thừa kế của cụ C1 đã xác định thiếu cụ Đ là người được hưởng thừa kế của cụ C1. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm cần phải sửa lại cho chính xác, đảm bảo quyền lợi của các đồng thừa kế.

**Về xác định hàng thừa kế:** Cụ Vũ Văn Đ và cụ Phạm Thị C1 có 02 người con chung là bà Vũ Thị A và bà Vũ Thị N. Trước đó, cụ Đ còn có 01 người con nuôi là bà Vũ Thị H3 được cụ Đ nuôi từ nhỏ (03 tháng tuổi) và bà H3 đã mang họ của cụ Đ. Năm 2010, bà H3 chết, có 06 người con là các anh Hà Văn K, Hà Văn T5, Hà Văn T8, Hà Thị T7, Hà Thị N2 và Hà Thị X1. Ngoài ra, cụ C1 còn có 02 người con riêng là bà Hà Thị X và ông Hà Văn T; bà X ở cùng cụ Đ và cụ C1 từ nhỏ cho đến khi lấy chồng, còn ông T ở được vài tháng thì đi làm con nuôi người khác, không ở cùng với hai cụ.

- **Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị C1:** Cụ C1 chết năm 1986 nên hàng thừa kế thứ nhất của cụ C1 bao gồm 05 người gồm: Cụ Vũ Văn Đ, bà Vũ Thị A, bà Vũ Thị N, bà Hà Thị X và ông Hà Văn T.

- **Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vũ Văn Đ:** Cụ Đ chết năm 1994 nên hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ gồm 04 người gồm: Bà Vũ Thị A, bà Vũ Thị N, bà Hà Thị X (do có quan hệ nuôi dưỡng), bà Vũ Thị H3 chết năm 2010 nên 06 người con của bà H3 (gồm anh Hà Văn K, Hà Văn T6, Hà Văn T8, Hà Thị T7, Hà Thị N2 và Hà Thị X1) là người được hưởng thừa kế thế vị kỷ phần thừa kế bà H3 được hưởng.

**Về xác định di sản thừa kế:** Diện tích 995m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 166 là di sản của cụ Vũ Văn Đ, cụ Phạm Thị C1 để lại. Gia đình bà Vũ Thị A là người sống chung cùng với hai cụ từ năm 1973, có công sức chăm sóc bố mẹ và gìn giữ, tôn tạo đất; thờ cúng bố mẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức chăm sóc, tôn tạo và quản lý đất cho bà A diện tích 200m<sup>2</sup> đất là phù hợp. Diện tích 795m<sup>2</sup> đất còn lại được xác định là di sản thừa kế của hai cụ để lại.

**Về phân chia di sản thừa kế:** Cụ Phạm Thị C1 chết năm 1986, di sản thừa kế của cụ C1 để lại là  $\frac{1}{2}$  di sản thừa kế của hai cụ gồm: 397,5m<sup>2</sup> đất trị giá 6.678.000.000đ (795m<sup>2</sup> : 2). Chia cho các đồng thừa kế của cụ C1 gồm 05 người là cụ Đ, bà A, bà N, bà X và ông T; mỗi người được  $\frac{1}{5} = 79,5\text{m}^2$ .

Cụ Đ chết năm 1994, phần di sản của cụ Đ gồm 397,5m<sup>2</sup> đất = 6.678.000.000đ ( $\frac{1}{2}$  tài sản chung) + 79,5m<sup>2</sup> (di sản cụ Đ được thừa kế của cụ C1) = 477m<sup>2</sup>. Chia cho các đồng thừa kế của cụ Đ gồm 04 người là bà A, bà N, bà X và các con của bà H3; mỗi người được  $\frac{1}{4} = 119,25\text{m}^2$ .

Như vậy, tổng cộng phần của bà Ân được hưởng thừa kế của cụ Đ, cụ C1 là:  $79,5\text{m}^2 + 119,25\text{m}^2 + 200\text{m}^2$  (trích công sức) =  $398,75\text{m}^2$ ; trị giá 6.699.000.000đ.

Tổng cộng phần của bà N được hưởng thừa kế của cụ Đ, cụ C1 là:  $79,5\text{m}^2 + 119,25\text{m}^2 = 198,75\text{m}^2$ ; trị giá 3.339.000.000đ.

Tổng cộng phần của bà X được hưởng thừa kế của cụ Đ, cụ C1 là:  $79,5\text{m}^2 + 119,25\text{m}^2 = 198,75\text{m}^2$ ; trị giá 3.339.000.000đ.

Tổng cộng phần của bà Vũ Thị H3 (do các con của bà H3 nhận) được hưởng thừa kế của cụ Đ là  $119,25\text{m}^2 = 2.003.400.000\text{đ}$ .

Tổng cộng phần của ông Hà Văn T được hưởng thừa kế của cụ C1 là  $79,5\text{m}^2$ ; trị giá 1.335.600.000đ.

\* **Chia bằng hiện vật:** Căn cứ hiện trạng sử dụng diện tích  $995\text{m}^2$  đất, trên đất có 01 căn nhà ba gian không còn giá trị sử dụng, nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà này.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Năm 2003 vợ chồng bà A, ông T9 đã tách thửa đất trên cho các con là anh Nguyễn Đức T2, anh Nguyễn Trường T3, anh Nguyễn Minh T1, chị Nguyễn Thị Thu H1. Những người con nêu trên và ông T9 đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất phân chia và tách thửa. Năm 2008-2009, anh T1 và anh T9 đã chuyển nhượng diện tích đất được chia cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu T5 và bà Lê Thị Bích L, có lập hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại Phòng Công chứng số 3 thành phố Hải Phòng. Năm 2010, vợ chồng ông T5 chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất trên cho vợ chồng ông H2, bà D bằng hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng công chứng Đất Cảng có nội dung ông H2 được giao dịch với cơ quan có thẩm quyền ký các giấy tờ, nộp các loại thuế, phí để trước bạ sang tên quyền sở hữu, sử dụng 02 thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật; nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đối với 02 thửa đất trên. Tuy nhiên, do diện tích đất này có liên quan đến vụ án tranh chấp thừa kế đang được giải quyết tại Tòa án nên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận L không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T5, bà L.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét hiện trạng sử dụng đất và nhu cầu thực tế của các bên để quyết định giao cho bà Vũ Thị A được quyền quản lý, sử dụng tổng diện tích  $583\text{m}^2$  (trên đất có nhà cấp bốn ba gian không còn giá trị sử dụng) bao gồm: Diện tích  $255\text{m}^2$  đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Minh T1; diện tích  $250\text{m}^2$  đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Trường T3 và  $78\text{m}^2$  đất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

mang tên chị Nguyễn Thị Thu H1; giao cho bà Vũ Thị N được quyền quản lý, sử dụng tổng diện tích 412m<sup>2</sup> đất bao gồm diện tích 220m<sup>2</sup> đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Đức T2 và diện tích 192m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Sông T9. Đồng thời, buộc bà A và bà N thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế khác là hợp tình, hợp lý, đảm bảo được quyền lợi của các đương sự.

So với kỹ phần được hưởng thừa kế và công sức tôn tạo là 398,75m<sup>2</sup>, dư ra 184,25m<sup>2</sup> nên bà A phải thanh toán cho bà Hà Thị X giá trị quyền sử dụng 184,25m<sup>2</sup> đất với số tiền là 3.095.400.000đ (184,25m<sup>2</sup>x16.800.000đ/m<sup>2</sup>). Bà N được hưởng thừa kế là 198,75m<sup>2</sup> đất, được giao diện tích đất là 412m<sup>2</sup> đất, nhiều hơn phần diện tích đất được hưởng là 213,25m<sup>2</sup> nên bà N phải thanh toán cho ông Hà Văn T giá trị quyền sử dụng 79,5m<sup>2</sup> đất với số tiền là 1.335.600.000đ và thanh toán cho các con của bà H3 giá trị quyền sử dụng 119,25m<sup>2</sup> đất với số tiền là 2.003.400.000đ và thanh toán cho bà Hà Thị X giá trị quyền sử dụng 14,5m<sup>2</sup> đất với số tiền là 243.600.000đ.

Như vậy, bà Hà Thị X được nhận từ bà Vũ Thị A trả số tiền là 3.095.400.000đ trị giá quyền sử dụng 184,25m<sup>2</sup> đất và được nhận của bà Vũ Thị N số tiền 243.600.000đ giá trị quyền sử dụng 14,5m<sup>2</sup> đất. Tổng cộng là 3.339.000.000đ giá trị 198,75m<sup>2</sup> đất.

Ông Hà Văn T được nhận từ bà Vũ Thị N số tiền là 1.335.600.000đ trị giá 79,5m<sup>2</sup> đất.

Các con của bà H3 gồm các anh, chị Hà Văn K, Hà Văn T6, Hà Văn T8, Hà Thị T7, Hà Thị N2 và Hà Thị X1 được nhận từ bà Vũ Thị N số tiền 2.003.400.000đ giá trị quyền sử dụng 119,25m<sup>2</sup> đất.

Đối với yêu cầu của bà Vũ Thị N về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Sông T9 thấy: Tại các văn bản của Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng đã khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Sông T9 (là con rể của cụ Đ và cụ C1) là không đúng đối tượng và chưa đủ cơ sở pháp lý. Hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T9 không có văn bản chuyển nhượng, tặng cho hay di chúc, bản khai nhận di sản thừa kế nên việc Ủy ban nhân dân huyện An H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T9 là không đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Ông T9 làm thủ tục tách thửa, sang tên cho các con là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự khác. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện An H cấp mang tên ông T9 và các con của ông T9, bà A là có căn cứ. Đối với diện tích được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Minh T1, anh Nguyễn Trường T3 và chị Nguyễn Thị Thu H1: Do anh T1 và anh T3 đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông T5, bà L và phần diện tích đất này cũng được chia thừa kế cho bà A. Bà A cũng thừa nhận đã chia cho các con nên thuộc quyền sử dụng của anh T1, anh T3 và chị H1. Quá trình giải quyết vụ án, bà A và anh T1, anh T3 và chị H1 đều không có ý kiến về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Minh T1, anh Nguyễn Trường T3 và chị Nguyễn Thị Thu H1 mà giành quyền cho các đương sự đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của người thứ ba nhận chuyển nhượng đất ngay tình là có căn cứ. Đối với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Sông T9 và anh Nguyễn Đức T2 được chia thừa kế cho bà Vũ Thị N nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để bà N làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Do đó, bà Vũ Thị A và anh Nguyễn Minh T1 kháng cáo toàn bộ bản án cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Đ, cụ C1 và phân chia thừa kế là không đúng và đề nghị bác yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Vũ Thị N, công nhận diện tích đất tranh chấp là của gia đình bà với lý do cụ Đ, cụ C1 đã chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho chồng bà là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, do Tòa án sơ thẩm xác định hàng thừa kế của cụ C1 không chính xác như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần phải sửa lại cho đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Vũ Thị A và anh Nguyễn Minh T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Về án phí sơ thẩm, các đồng thừa kế của bà Vũ Thị H3 không thuộc diện được miễn án phí theo quy định của pháp luật, nhưng Tòa án sơ thẩm không buộc các đồng thừa kế của bà H3 phải chịu án phí đối với giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng thừa kế thế vị phần thừa kế của bà H3 là không chính xác. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại án phí sơ thẩm đối với các đồng thừa kế của bà H3 cho đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị A và anh Nguyễn Minh T1, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DSST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng về việc xác định hàng thừa kế của cụ Phạm Thị C1, phân chia di sản thừa kế và án phí sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 623, 649, 651, 653, 654, 660 Bộ luật dân sự;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản của nguyên đơn.

1.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Vũ Văn Đ và cụ Phạm Thị C1 để lại là diện tích 995m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 166, Tờ bản đồ số 6 tại khu 3, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng có trị giá 16.716.000.000đ (Mười sáu tỷ, bảy trăm mười sáu triệu đồng).

1.2. Trích công sức quản lý, tôn tạo di sản cho bà Vũ Thị A bằng 200m<sup>2</sup> đất ở, trị giá 3.360.000.000đ (Ba tỷ, ba trăm sáu mươi triệu đồng).

1.3. Phần di sản của cụ Đ và cụ C1 còn lại để chia thừa kế là 795m<sup>2</sup> đất, trị giá là 13.356.000.000đ (Mười ba tỷ, ba trăm năm mươi sáu triệu đồng).

1.4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị C1 bao gồm: Cụ Vũ Văn Đ, bà Vũ Thị A, bà Vũ Thị N, bà Hà Thị X và ông Hà Văn T.

1.5. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vũ Văn Đ gồm: Bà Vũ Thị A, bà Vũ Thị N, bà Hà Thị X và các con của bà H3 (là các anh, chị Hà Văn K, Hà Văn T6, Hà Văn T8, Hà Thị T7, Hà Thị N và Hà Thị X1).

1.6. Phân chia di sản thừa kế:

- Giao cho bà Vũ Thị N được quyền quản lý, sử dụng diện tích 220m<sup>2</sup> tại thửa số 166Đ, Tờ số 06 tại khu 3 phường V, quận Lê C, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 06492 ngày 18/4/2003 do Ủy ban nhân dân huyện An H cấp cho anh Nguyễn Đức T2 và diện tích 192m<sup>2</sup> đất tại thửa 166 Tờ số 06 tại khu 3 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03756 ngày 18/4/2003 do Ủy ban nhân dân huyện An H cấp cho ông Nguyễn Sông T9. Tổng cộng là 412m<sup>2</sup> trị giá 6.921.600.000đ (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm). Bà N phải thanh toán trả cho ông Hà Văn T giá trị quyền sử dụng 79,5m<sup>2</sup> đất với số tiền là 1.335.600.000đ (Một tỷ, ba trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng); bà N phải thanh toán trả cho các con của bà Vũ Thị H3 là các anh, chị Hà Văn K, Hà Văn T6, Hà Văn T8,

Hà Thị T7, Hà Thị N2 và Hà Thị X1 giá trị quyền sử dụng 119,25m<sup>2</sup> đất với số tiền là 2.003.400.000đ (Hai tỷ, ba triệu, bốn trăm nghìn đồng); bà N phải thanh toán trả cho bà Hà Thị X giá trị quyền sử dụng 14,5m<sup>2</sup> đất với số tiền là 243.600.000đ (Hai trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Giao cho bà Vũ Thị A được quyền quản lý, sử dụng diện tích 255m<sup>2</sup> đất tại thửa số 166C, Tờ số 06 tại khu 3 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 06489 ngày 18/4/2003 do Ủy ban nhân dân huyện An H cấp cho anh Nguyễn Minh T1 và diện tích 250m<sup>2</sup> đất tại thửa 166B, Tờ số 06 tại khu 3 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/4/2003 do Ủy ban nhân dân huyện An H cấp cho anh Nguyễn Trường T3 và diện tích 78m<sup>2</sup> đất tại thửa số 166A, Tờ số 06 tại khu 3 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 06491 ngày 18/4/2003 do Ủy ban nhân dân huyện An H cấp cho chị Nguyễn Thị Thu H2. Tổng cộng là 583m<sup>2</sup> đất trị giá 9.794.400.000đ (trên đất có nhà cấp bốn không còn giá trị sử dụng). (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm). Bà Vũ Thị A phải thanh toán trả cho bà Hà Thị X giá trị quyền sử dụng 184,25m<sup>2</sup> đất với số tiền là 3.095.400.000đ (Ba tỷ, chín mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng) .

- Bà Hà Thị X được nhận từ bà Vũ Thị A số tiền là 3.095.400.000đ giá trị quyền sử dụng 184,25m<sup>2</sup> đất và nhận của bà Vũ Thị N số tiền là 243.600.000đ giá trị quyền sử dụng 14,5m<sup>2</sup> đất. Tổng cộng số tiền bà Hà Thị X được nhận là 3.339.000.000đ (Ba tỷ, ba trăm ba mươi chín triệu đồng) giá trị quyền sử dụng 198,75m<sup>2</sup> đất.

- Ông Hà Văn T được nhận từ bà Vũ Thị N số tiền là 1.335.600.000đ (Một tỷ, ba trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng) giá trị quyền sử dụng 79,5m<sup>2</sup> đất;

- Các anh, chị Hà Văn K, Hà Văn T6, Hà Văn T8, Hà Thị T7, Hà Thị N2 và Hà Thị X1 (là con của bà Vũ Thị H3) được nhận từ bà Vũ Thị N số tiền là 2.003.400.000đ (Hai tỷ, ba triệu, bốn trăm nghìn đồng) giá trị quyền sử dụng 119,25m<sup>2</sup> đất;

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03756 ngày 16/7/2001, diện tích 995m<sup>2</sup> đất tại thửa số 166, Tờ bản đồ số 6 tại khu 3 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng của Ủy ban nhân dân huyện An H, thành phố Hải Phòng cấp cho ông Nguyễn Sông T9; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03756 ngày 18/4/2003, diện tích 192m<sup>2</sup> đất tại thửa số 166, Tờ bản đồ số 6 tại khu 3 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng của Ủy ban nhân dân huyện An H, thành phố Hải Phòng cấp cho ông Nguyễn Sông T9; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất



số vào sổ 08492 ngày 18/4/2003, diện tích 220m<sup>2</sup> đất tại thửa số 166Đ, Tờ bản đồ số 6 tại khu 3 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng của Ủy ban nhân dân huyện An H, thành phố Hải Phòng cấp cho anh Nguyễn Đức T2.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị A, anh Nguyễn Minh T1, anh Nguyễn Trường T3 có trách nhiệm kết hợp với ông Nguyễn Hữu T5, bà Lê Thị Bích L và ông Lê Văn H2, bà Đỗ Thị Kim D được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị A và anh Nguyễn Minh T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H3 lại cho bà Vũ Thị A và anh Nguyễn Minh T1 số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001672 và 0001673 đều ghi ngày 13/5/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (BL591,592).

+ Án phí sơ thẩm: Bà Vũ Thị Nc, bà Vũ Thị A, ông Hà Văn T và bà Hà Thị X đều là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Vũ Thị N số tiền 36.000.000đ đã nộp tại Biên lai số 0003946 ngày 18/10/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Các anh, chị Hà Văn K, Hà Văn T6, Hà Văn T8, Hà Thị T7, Hà Thị N2 và Hà Thị X1 (là con của bà Vũ Thị H3) phải chịu án phí đối với kỷ phần thừa kế bà H3 được hưởng là 72.068.000đ, theo đó mỗi người con của bà H3 phải chịu 12.011.300đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp, nếu bên phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, HCTP.

**Nguyễn Phương Hạnh**